

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN ĐỊNH  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **198/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15 - 9 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung và tài sản chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trịnh Ngọc Thanh

2. Bà Hoàng Thị Thu

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:** Bà  
*Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên*

Ngày 15/9/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và tài sản chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/8/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Bị đơn:** Ông Lê Văn C, sinh năm: 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 30/3/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn C lấy nhau tự nguyện, có làm đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn và về ở với nhau từ năm 2003 cho đến nay. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, ông C đánh đập bà không thương xót, đánh chảy máu mắt phải nhập viện. Lần gần đây nhất ông C đã đánh bà tụ máu não, gãy ngón tay út, đầu phải khâu nhiều mũi. Bà làm đơn kiện Công an vào cuộc để giải quyết nhưng ông C đã xin bà rút đơn kiện và bà đã rút

đơn về. Nay bà xét thấy không thể tiếp tục sống chung với ông C được nữa nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà về việc không công nhận bà và ông C là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung là Lê Hoàng S, sinh ngày 09/9/2004 và Lê Gia B, sinh ngày 14/6/2012. Hiện nay cháu S bị bệnh đao, cháu B khỏe mạnh bình thường đang ở với bà. Khi ly hôn nguyện vọng của bà được trực tiếp nuôi 02 con. Bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và anh C có một ngôi nhà cấp IV, 4 gian với diện tích đất là 1779,7 m<sup>2</sup> tổng trị giá khoảng 300.000.000 đồng. Bà yêu cầu chia đôi tài sản chung. Tuy nhiên, ngày 5/7/2022 bà H làm đơn rút lại một phần đơn khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 20/4/2022 và quá trình giải quyết bị đơn ông Lê Văn C trình bày:*

Về hôn nhân: Về quá trình kết hôn ông công nhận ý kiến trình bày của bà H là đúng. Ông và bà H có làm đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn và về ở với nhau từ năm 2003 cho đến nay. Trong quá trình chung sống với nhau bà H đã gây ra nhiều bức xúc cho bản thân ông, cho nên ông không kìm chế được có đánh bà H. Nay ông và bà H không ở được với nhau nữa, nên ông đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà H là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Lê Hoàng S, sinh ngày 09/9/2004 và Lê Gia B, sinh ngày 14/6/2012. Hiện nay cháu S bị bệnh đao, cháu B khỏe mạnh bình thường đang ở với bà H. Sau khi giải quyết vụ án ông đồng ý giao cháu S và cháu B cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng con. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do bà H không yêu cầu nên ông không cấp dưỡng.

Về tài sản: Ông và bà H có một ngôi nhà cấp IV, với diện tích đất là 1779,7 m<sup>2</sup> tổng trị giá khoảng 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Ông yêu cầu chia đôi tài sản. Khi bà H rút yêu cầu chia tài sản chung, ông cũng không yêu cầu chia tài sản chung.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà H và ông C có mặt. Hai bên thống nhất ly hôn. Hai bên thống nhất thỏa thuận: Về con chung giao cho bà H nuôi dưỡng 02 con chung. Về tài sản hai bên tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ không có nợ ai và không cho ai nợ.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội. Về Hôn nhân: Không công nhận ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng; Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng S, sinh ngày 09/9/2004 và Lê Gia B, sinh ngày 14/6/2012 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà H không yêu cầu nên ông C không phải cấp dưỡng, ông C có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở ngăn cấm. Vì quyền lợi của các con hai bên có quyền thay đổi người nuôi con chung theo quy định. Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

1.1. *Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án:* Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân giữa bà H và ông C là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

2.1. *Về hôn nhân:*

Bà H và ông C xây dựng hạnh phúc gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi nhưng không có đăng ký kết hôn. Trên thực tế hai bên là vợ chồng, nhưng theo luật Hôn nhân gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C chưa được pháp luật công nhận.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, ông C thường xuyên dùng bạo lực với chị H. Từ nguyên nhân trên dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, kéo dài. Tình cảm hai bên không còn. Nếu hôn nhân hợp pháp, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2014 thì cho hai bên ly hôn là phù hợp. Tuy nhiên, bà H và ông C không có đăng ký kết hôn, do vậy căn cứ khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 3 Nghị quyết 35/QH khoá X và Nghị quyết 02/2000 ngày 23 tháng 12 năm 2000 để tuyên bố: Không công nhận bà H và ông C là vợ chồng.

2.2. *Về con chung*: Bà H và ông C có 02 con chung là Lê Hoàng S, sinh ngày 09/9/2004 và Lê Gia B, sinh ngày 14/6/2012. Nguyên vọng của bà H xin được trực tiếp nuôi cả hai con. Ông C cũng đồng ý để bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. HĐXX xét thấy: Nguyên vọng nuôi con của bà H chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật, ông C cũng đồng ý. Vì vậy HĐXX chấp nhận theo nguyên vọng của hai bên. Về cấp dưỡng nuôi con bà H và ông C không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

2.3. *Về tài sản và công nợ chung*: Tại phiên tòa bà H và ông C trình bày ông bà tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà H.

2.4. *Về án phí*: Bà H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH khoá X; Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 23/12/2000; Điều 15, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiểu mục 1.1, mục 1 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Tuyên xử:

*Về Hôn nhân*: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn C là vợ chồng.

*Về con chung*: Bà H và ông C có 02 con chung. Giao cháu Lê Hoàng S, sinh ngày 09/9/2004 và cháu Lê Gia B, sinh ngày 14/6/2012 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung bà H không yêu cầu.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

*Về tài sản và công nợ chung*: Bà H và ông C tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà H.

*Về án phí*: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.500.000đ (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2021/0003422 ngày

30/3/2022. Chấp nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà H 7.200.000đ (*bảy triệu, hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí giá ngạch tài sản đã nộp.

*Quyền kháng cáo:* Tuyên quyền kháng cáo bản án cho bà H và ông C trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKS huyện Yên Định;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Thắng**